

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2020
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp 3, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Mai Thành Phúc, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 3, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị Bùi Thị Thu S là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng thương nhau, chung sống với nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2015 anh Phúc thay đổi, thường xuyên uống rượu và đánh đập vợ con. Những lúc anh Phúc say xỉn về nhà thì anh Phúc thường hay lấy dao cắt nhượng chân của chị S, có lúc giữa đêm về thì anh Phúc lấy dao đâm chị nhưng chị bỏ chạy kịp, chị chạy về nhà mẹ,

có lúc chị phải ngủ nhờ nhà hàng xóm. Nhiều lần chị S đã trình báo với Ủy ban nhân dân xã BHT và cán bộ xã có xuống làm việc, bắt giam anh Phúc và chị S cũng cho anh Phúc cơ hội sửa đổi nhưng anh Phúc không sửa đổi. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Thành Phúc.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, tên Mai Thành Duyên, sinh năm 1996, Mai Thành Mỹ Dung, sinh năm 1999 và Mai Thành Mỹ Tiên, sinh ngày 20/11/2009. Hiện nay, con chung tên Duyên, Dung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Con chung tên Tiên đang sống với anh Phúc. Khi ly hôn, chị S đồng ý để con chung tên Tiên cho anh Phúc được nuôi dưỡng và chị S không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Mai Thành Phúc đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị S nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Trích lục khai sinh con chung (bản sao);

+ Giấy CMND Bùi Thị Thu S và Sổ hộ khẩu (photo);

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

+ Quyết định số 145 ngày 21/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã BHT về việc công nhận việc nhận cha cho con (bản chính);

+ Đơn xác nhận nơi cư trú của chị S đề ngày 30/8/2019 (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Thu S có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Mai Thành Phúc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Mai Thành Phúc là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 3, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Mai Thành Phúc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt anh Phúc là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S, anh Phúc chung sống với nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2013, do đó hôn nhân giữa anh chị S và anh Phúc là hợp pháp. Chị S cho rằng thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Phúc thường xuyên uống rượu và đánh đập vợ con. Những lúc anh Phúc say xỉn về nhà kiểm chuyện đánh đập chị, có lần anh Phúc lấy dao đâm chị nhưng chị kịp bỏ chạy và mỗi lần như vậy chị S về nhà cha mẹ ruột ngủ, có khi ngủ nhờ nhà hàng xóm. Chị S khuyên anh Phúc sửa đổi nhưng anh Phúc không sửa đổi. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Thành Phúc.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Mai Thành Phúc tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh Phúc vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị S. Xét thấy giữa chị S và anh Phúc không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh Phúc là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị S và anh Phúc đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị S.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, tên Mai Thành Duyên, sinh năm 1996, Mai Thành Mỹ Dung, sinh năm 1999 và Mai Thành Mỹ Tiên, sinh ngày 20/11/2009. Hiện nay, con chung tên Duyên, Dung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Con chung tên Tiên đang sống với anh Phúc. Khi ly hôn, chị S đồng ý để con chung tên Tiên cho anh Phúc được nuôi dưỡng và chị S không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung tên Mai Thành Mỹ Tiên đang sống với anh Phúc và căn cứ vào bản tự khai ngày 10/3/2020 thì con chung tên Mai Thành Mỹ Tiên có nguyện vọng được sống với anh Phúc. Do đó để con chung tên Mai Thành Mỹ Tiên, sinh ngày 20/11/2009 cho anh Phúc được tiếp tục nuôi dưỡng, chị S không cấp dưỡng nuôi con do anh Phúc không có yêu cầu. Đối với con chung tên Mai Thành Duyên, sinh năm 1996, Mai Thành Mỹ Dung, sinh năm 1999 đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Chị Bùi Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thu S:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu S được ly hôn với anh Mai Thành Phúc.

- Về con chung: Anh Mai Thành Phúc được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Mai Thành Mỹ Tiên, sinh ngày 20/11/2009. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phúc không có yêu cầu. Đối với con chung tên Mai Thành Duyên, sinh năm 1996, Mai Thành Mỹ Dung, sinh năm 1999 đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Chị S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009466 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy tiền án phí chị S đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nhã Quyên